TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2020.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào.

2. Ông Nguyễn Thành Thật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao *tham gia phiên toà:* Không.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc: "Ly hôn và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn L - sinh năm 1994, có mặt.

Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Th - sinh năm 1997, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2020, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Đặng Văn L trình bày như sau: Ông kết hôn với bà Phạm Thị Th vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà sống hạnh phúc được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung và mâu thuẫn về tiền bạc nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 11/2019 cho đến nay. Nay vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và ông không

còn tình cảm yêu thương gì đối với bà Th nên ông xin Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Th.

Thời gian chung sống vợ chồng ông không có con chung.

Về tài sản chung: Trước đây ông yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng ông nhưng sau khi Thẩm phán hoà giải vợ chồng ông đã tự thỏa thuận xong nên ông xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản, hiện về tài sản chung hai bên đã giao nhận xong.

Về nợ chung: Ông cam kết vợ chồng ông không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Phạm Thị Th.

Về con chung: Vợ chồng ông không có con chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông cam đoan vợ chồng ông không có nợ chung nên ông không yêu cầu giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng ông ly hôn mà có người kiện vợ chồng ông đòi nợ thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

Bị đơn bà Phạm Thị Th trình bày: Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông L về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Đặng Văn L.

Về con chung: Vợ chồng bà không có con chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của ông L.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với và Phạm Thị Th và xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, ngoài ra ông không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị Th là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Phạm Thị Th là bị đơn trong vụ án, bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị Th kết hôn với nhau vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện tức hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau trước khi đi đến xác lập cuộc sống chung vợ chồng, ông bà có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng vợ chồng ông bà không làm thủ tục đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp nên căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị Th là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị Th không có con chung với nhau nên ông bà không yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về nợ chung: Ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị Th đều cam kết ông bà không có nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị Th đã tự thỏa thuận xong và ông L rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 217, 218, 219 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[6] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Đặng Văn L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0008816, ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy ông L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về án phí DSST: Ông L có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa nên ông L được nhận lại 1.125.000 đồng tiền tạm ứng án

phí chia tài sản chung theo biên lai thu số 0008821, ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 28, 35, 147, 217, 218, 219, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn L.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Đặng Văn L và bà Phạm Thị Th là vợ chồng.

Về con chung và nợ chung: Hội đồng xét xử miễn xét.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung do ông L có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu này.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Đặng Văn L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0008816, ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về án phí DSST: Ông L có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa nên ông L được nhận lại 1.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo biên lai thu số 0008821, ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bán án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang